

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2026/QH16

Hà Nội, ngày

tháng

năm 2026

DỰ THẢO
Ngày 10/6/2026

LUẬT
ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;
Quốc hội ban hành Luật Đô thị đặc biệt.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về vị trí, vai trò; cơ chế, chính sách; thẩm quyền, trách nhiệm xây dựng, quản lý phát triển và bảo vệ Đô thị đặc biệt Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp Thành phố khác được công nhận là đô thị đặc biệt thì được áp dụng cơ chế, chính sách tại Luật này theo quy định của Quốc hội.

Điều 2. Vị trí, vai trò của Đô thị đặc biệt

1. Đô thị đặc biệt là đô thị tầm quốc tế, có năng lực cạnh tranh toàn cầu theo mô hình đa cực, đa trung tâm, có kết cấu hạ tầng và quản trị thông minh, hiện đại; trung tâm điều phối mô hình quản trị, hạt nhân của Vùng Đô thị đặc biệt; cực đổi mới sáng tạo và hội nhập quan trọng của cả nước.

2. Đô thị đặc biệt có vai trò kiến tạo thể chế, chất lượng phát triển, chuẩn mực quản trị và mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dự án lớn, quan trọng hoặc cấp bách* là một trong các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau

đây gọi là dự án PPP) sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy;

b) Dự án đầu tư công, dự án PPP sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương trên địa bàn Thành phố, vùng Đô thị đặc biệt đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

c) Dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược;

d) Dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết khu vực đô thị, gồm dự án xây dựng lại nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết một ô phố đô thị hoặc nhiều ô phố đô thị, dự án di dời nhà trên và ven sông, kênh, rạch; dự án phòng chống sạt lở bờ sông, kênh, rạch; dự án đầu tư xây dựng cảng, bến thủy phục vụ vận tải hành khách công cộng;

đ) Dự án đầu tư mới, cải tạo công trình để xử lý các điểm nghẽn, cấp bách về ùn tắc giao thông, ứng ngập, ô nhiễm môi trường, trật tự đô thị;

e) Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí nền đất phục vụ tái định cư; dự án xây dựng chung cư phục vụ tái định cư; dự án nhà ở xã hội; dự án nhà ở cho thuê.

2. *Không gian tầm thấp, không gian tầm cao* là phần không gian trên bề mặt đất, mặt nước thuộc địa giới hành chính Thành phố có phạm vi, ranh giới, độ cao được xác định theo quy hoạch của Thành phố, được sử dụng cho mục đích quản lý, khai thác, sử dụng trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, giao thông và quản lý đô thị gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

4. *Khu thương mại tự do* là khu vực có ranh giới địa lý xác định gắn với hệ thống cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế, trung tâm tài chính quốc tế, cửa khẩu quốc tế quan trọng hoặc khu vực được xác lập trong quy hoạch tổng thể Thành phố có khả năng kết nối thuận lợi với mạng lưới hạ tầng quốc gia; bảo đảm liên thông vùng- quốc gia- quốc tế, gồm nhiều khu chức năng, được thành lập để thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội về thu hút đầu tư, tài chính; công nghiệp, thương mại, dịch vụ chất lượng cao, thúc đẩy xuất khẩu; hoạt động

nghiên cứu và phát triển (R&D); thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; chức năng khác có liên quan đến thương mại.

5. *Khu logistics tích hợp* là khu chức năng tại đô thị đặc biệt có ranh giới địa lý xác định, gắn liền với các đầu mối giao thông đa phương thức; được thành lập theo mô hình sinh thái, thông minh, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại bao gồm các hoạt động dịch vụ giao hàng, nhận hàng; vận chuyển, lưu kho, lưu bãi; sản xuất, gia công hàng hóa; thương mại điện tử xuyên biên giới, làm thủ tục hải quan, tư vấn khách hàng; đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu; thủ tục, dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa. Khu logistics tích hợp có thể là khu độc lập hoặc thuộc Khu thương mại tự do.

6. *Kinh tế biển* bao gồm kinh tế hàng hải, logistics, công nghiệp hỗ trợ hoạt động dầu khí, dịch vụ dầu khí, năng lượng, năng lượng tái tạo, du lịch, đô thị biển, lĩnh vực kinh tế khác gắn với khu vực biển.

7. *Vùng Đô thị đặc biệt Thành phố Hồ Chí Minh* là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) và các đơn vị hành chính cấp Thành phố, tỉnh có địa giới hành chính liền kề với Thành phố.

8. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (sau đây gọi là TOD)* là giải pháp quy hoạch, đầu tư cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị, lấy điểm kết nối giao thông đường sắt, Vành đai 3 đoạn đi qua Thành phố Hồ Chí Minh làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng.

9. *Khu vực TOD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh* là khu vực bao gồm nhà ga, đề-pô đường sắt và vùng phụ cận, khu vực nút giao thông và vùng phụ cận của nút giao thông thuộc tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh được xác định theo quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết có liên quan để xây dựng đường sắt, đường Vành đai 3 kết hợp cải tạo, chỉnh trang đô thị, đầu tư phát triển đô thị.

Điều 4. Nguyên tắc phân quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, không trái các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Phân quyền triệt để, toàn diện và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; căn cứ tình hình thực tiễn, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho cơ quan,

tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp. Việc phân quyền, phân cấp bảo đảm không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố còn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thực hiện thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương theo phạm vi, tiêu chí do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định, trừ nội dung Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận tập thể và quyết định theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

4. Bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của vùng đô thị đặc biệt; không làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia, tôn trọng các quy luật thị trường.

5. Bảo đảm việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu gắn liền với cơ chế kiểm soát quyền lực; tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra gắn với cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kịp thời điều chỉnh nội dung phân quyền khi cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân quyền thực hiện không hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 5. Áp dụng pháp luật

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đô thị đặc biệt và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Đô thị đặc biệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Đô thị đặc biệt, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để thực hiện thẩm quyền được giao trong Luật Đô thị đặc biệt (sau đây

gọi là văn bản thi hành Luật đô thị đặc biệt) được áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề.

Trường hợp giữa các văn bản thi hành Luật đô thị đặc biệt có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì việc áp dụng pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương, bao gồm cả văn bản quy định cơ chế, chính sách áp dụng cho các đối tượng, địa phương khác, ban hành sau ngày Luật Đô thị đặc biệt, văn bản thi hành Luật Đô thị đặc biệt có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định của Luật Đô thị đặc biệt, văn bản thi hành Luật Đô thị đặc biệt thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

4. Trường hợp quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, trình tự, thủ tục hoặc vấn đề khác không được quy định tại Luật Đô thị đặc biệt thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN, CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 6. Đơn vị hành chính thuộc Đô thị đặc biệt

1. Đơn vị hành chính thuộc Đô thị đặc biệt bao gồm xã, phường; đặc khu, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có).

2. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thuộc Thành phố do Quốc hội quyết định thành lập để thực hiện vai trò đô thị chức năng theo Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn về tổ chức bộ máy chính quyền đô thị đặc biệt và chế độ công vụ

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định về tổ chức chính quyền ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; cơ chế, chính sách áp dụng đối với đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt;

b) Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn về thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã;

c) Quy định tiêu chí xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; quy định tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã; khung, số lượng Phó Trưởng Ban các Ban của Hội

đồng nhân dân Thành phố; số lượng, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã;

d) Quyết định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố; quy định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Quy định khung, số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt theo phân loại đơn vị hành chính khác với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Trung ương để phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố;

e) Quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; quyết định đặt tên, thay đổi tên gọi, điều chỉnh chức năng của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

g) Quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư; số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư;

h) Quyết định tổng số lượng biên chế không vượt quá 20% số biên chế công chức, viên chức Trung ương giao (giai đoạn và hằng năm) và tự cân đối, chi trả lương từ nguồn ngân sách Thành phố;

i) Quy định về vị trí việc làm công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; cá nhân khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật này;

k) Quy định việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

l) Quy định chính sách thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc, người lao động tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi Thành phố quản lý và người làm việc tại một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố; việc sử dụng ngân sách Thành phố và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chính sách này;

m) Quy định việc ký kết hợp đồng thực hiện chuyên môn trong khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định:

a) Chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số;

b) Cơ chế, biện pháp phát huy dân chủ cơ sở, huy động sự tham gia của người dân trong quản trị địa phương; cơ chế khoán việc và cơ chế khác để phát huy vai trò tự quản của tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư;

c) Mô hình, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố; thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

d) Số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định công nhận phân loại đơn vị hành chính phường, đặc khu loại đặc biệt.

Điều 8. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản thi hành Luật Đô thị đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này được quy định khác với văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để:

a) Điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng;

b) Quy định biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển Thành phố để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đánh giá sự cần thiết, tính cân đối, hợp lý của việc cần phải ban hành văn bản để quy định khác với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ; xác định rõ mục tiêu và dự kiến kết quả cần đạt được khi ban hành văn bản, cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình;

b) Đánh giá sự phù hợp của văn bản với quy định tại Điều 4 của Luật này;

c) Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản;

d) Thực hiện tham vấn dự thảo văn bản với cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, cơ quan, tổ chức có liên quan, lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, truyền thông nội dung, đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn, góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo văn bản;

đ) Tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Không áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, trừ trường hợp tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần hoặc bãi bỏ văn bản.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này và quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật này. Nội dung nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật phải xác định rõ quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng, phạm vi, đối tượng được áp dụng, thời điểm áp dụng, quy định chuyển tiếp (nếu có).

Điều 9. Thí điểm cơ chế, chính sách

1. Thành phố được quyết định thí điểm cơ chế, chính sách mới, khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, hoặc đối với những vấn đề chưa được pháp luật quy định để áp dụng trong phạm vi địa giới hành chính của Thành phố.

Không thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Việc thí điểm cơ chế, chính sách phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với Hiến pháp, không trái điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Không hạn chế quyền con người, quyền cơ bản của công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh; bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

d) Không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của cộng đồng, đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục; không làm ảnh hưởng đến chính sách đại đoàn kết dân tộc và chính sách tôn giáo của Nhà nước;

đ) Thời gian thí điểm không quá 05 năm và có thể được gia hạn không quá 05 năm.

3. Phạm vi thí điểm cơ chế, chính sách bao gồm:

a) Mô hình mới về tổ chức bộ máy các cấp chính quyền của Thành phố, mô hình quản trị, kiến tạo tiên tiến, hiện đại; chế độ công vụ, công chức;

b) Mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch y tế và chăm sóc sức khỏe;

c) Mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp giảm phát thải khí nhà kính;

d) Mô hình quản lý đô thị, nông thôn, không gian và phát triển bền vững;

đ) Phương thức khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực để phát triển và quản trị Đô thị đặc biệt;

e) Giải pháp xử lý các vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng, trực tiếp đến chất lượng sống của người dân hoặc sự phát triển kinh tế - xã hội của Đô thị đặc biệt;

g) Cơ chế, chính sách khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

4. Trên cơ sở chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách, trong đó xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, không gian, địa bàn thí điểm dự kiến

kết quả, tác động của thí điểm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; biện pháp quản trị rủi ro; cơ chế kiểm soát, giám sát, đánh giá; điều kiện, trình tự điều chỉnh, gia hạn hoặc kết thúc việc thí điểm.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách.

Trường hợp đề xuất thí điểm cơ chế, chính sách có tác động đến Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm đánh giá tác động kinh tế - xã hội vùng, quốc gia, lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương có liên quan trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

b) Tổ chức thực hiện nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách; bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

c) Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; tạm dừng thực hiện thí điểm và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định trong trường hợp việc thí điểm có ảnh hưởng tiêu cực vượt quá mức độ đã được dự báo;

d) Báo cáo đánh giá định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố và cơ quan có thẩm quyền về tình hình, kết quả thực hiện thí điểm;

đ) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện thí điểm, xác định mức độ hoàn thành mục tiêu, hiệu quả, tác động đối với phát triển đô thị và vùng đô thị; đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc gia hạn hoặc kết thúc việc thí điểm;

e) Trình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện chính thức.

6. Việc xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Luật này.

Điều 10. Xã hội hóa một số công việc trong giải quyết thủ tục hành chính tại Thành phố

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định:

a) Cơ chế xã hội hóa có kiểm soát đối với hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính và chính sách ưu đãi đặc thù để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và điều kiện thực tiễn tại Thành phố;

b) Bảo đảm nguồn lực thực hiện cơ chế xã hội hóa tại điểm a khoản này.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thủ tục hành chính và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính để huy động xã hội hóa; kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Việc xã hội hóa một số công việc trong giải quyết thủ tục hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước; không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính; không chuyển giao thẩm quyền quản lý nhà nước cho tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước; không tăng biên chế của bộ máy hành chính;

b) Công khai, minh bạch, khách quan; an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu;

c) Tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

Chương III

QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN ĐÔ THỊ

Điều 11. Quy hoạch Thành phố

1. Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Trên địa bàn Thành phố chỉ lập một Quy hoạch tổng thể Thành phố trên cơ sở cụ thể hóa, bổ sung, hiệu chỉnh các nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng tại địa phương và tích hợp, lồng ghép, thay thế Quy hoạch Thành phố, Quy hoạch chung Thành phố.

Sau khi Quy hoạch tổng thể Thành phố hoặc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố được phê duyệt, các nội dung có khác, mâu thuẫn hoặc chưa được cập nhật với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng phải được cập nhật vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng khi điều chỉnh.

Quy hoạch tổng thể Thành phố có giá trị pháp lý như quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung thành phố theo quy định pháp luật.

b) Quy hoạch tổng thể Thành phố chỉ được điều chỉnh trong trường hợp phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đặc biệt quan trọng, yêu cầu về quốc phòng, an ninh; khi có biến động lớn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; để

đáp ứng yêu cầu vị trí, vai trò của Đô thị đặc biệt; hoặc để thực hiện yêu cầu của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định về nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thành phố phải lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi phê duyệt;

b) Quy định về loại quy hoạch, hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn, hoạt động kiến trúc;

c) Quy định chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng, các yêu cầu về tổ chức không gian tại khu vực TOD khác với quy định, hoặc chưa được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng trên cơ sở khai thác đồng bộ không gian ngầm, không gian tầm thấp, không làm quá tải hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, và bảo đảm kết nối hạ tầng của khu vực; ưu tiên mặt đất cho không gian công cộng, cây xanh và chất lượng sống đô thị;

d) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD;

đ) Quy định việc chuyển nhượng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng trong khu vực TOD bảo đảm không làm quá tải hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, và bảo đảm kết nối hạ tầng của khu vực.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD;

b) Quyết định việc đầu tư xây dựng kết hợp với xây dựng nhà ở, xây dựng công trình thương mại dịch vụ, công trình sự nghiệp, công trình công cộng, và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng khác với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn tại nhà ga đường sắt, khu tập kết bảo dưỡng, sửa chữa tàu (đề-pô) và vùng phụ cận các nút giao thông dọc tuyến đường Vành đai 3 được Ủy ban nhân dân Thành phố xác định phát triển theo mô hình TOD, nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ

tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và quy định về an toàn môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua;

b) Quyết định quy hoạch đô thị và nông thôn được lập đồng thời trên cơ sở Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Trường hợp quy hoạch đô thị và nông thôn được lập đồng thời theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thì việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn phải căn cứ vào Quy hoạch tổng thể Thành phố, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan.

c) Giao đơn vị tổ chức lập quy hoạch tự thực hiện việc lập quy hoạch;

d) Giao đơn vị công lập hoặc đơn vị ngoài công lập tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn trước thời điểm lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu;

đ) Phê duyệt quy hoạch chi tiết trong trường hợp có nội dung khác với quy hoạch phân khu được phê duyệt khi đáp ứng được điều kiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Nội dung phê duyệt quy hoạch chi tiết được cập nhật khi điều chỉnh quy hoạch phân khu;

e) Chấp thuận các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng đối với dự án cải tạo chung cư cũ, nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở phục vụ tái định cư mà chưa có quy hoạch chi tiết hoặc khác với quy hoạch chi tiết được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của cơ quan chuyên môn quản lý về quy hoạch để làm thủ tục lựa chọn chủ đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, các thủ tục đầu tư khác có liên quan. Nội dung chấp thuận các chỉ tiêu được cập nhật vào các quy hoạch có liên quan khi lập mới hoặc điều chỉnh.

Điều 12. Quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao

1. Việc quản lý, phát triển, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí tượng, địa chất, địa mạo, thủy văn; bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng và sau khi kết thúc sử dụng;

b) Phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố;

c) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn cho tàu bay; ưu tiên các công trình có tính lưỡng dụng, có khả năng sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh; bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan môi trường, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

d) Bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các công trình;

đ) Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư các dự án khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

2. Không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao phải được quy hoạch, phân vùng chức năng để quản lý, đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Xây dựng và tham vấn ý kiến của cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi phê duyệt các loại hình quy hoạch nêu tại điểm này;

b) Mức giới hạn độ sâu trong lòng đất mà người sử dụng đất được sử dụng phù hợp với quy hoạch và không phải trả tiền sử dụng không gian ngầm;

c) Việc sử dụng lòng đất ngoài giới hạn độ sâu quy định tại điểm b khoản này; việc nộp tiền, miễn, giảm tiền sử dụng không gian ngầm; nghĩa vụ tài chính đối với việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao;

d) Chính sách bồi thường, hỗ trợ di dời tạm cư, hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, kinh doanh hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất hoặc tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan khác bị thiệt hại hoặc bị ảnh hưởng khi xây dựng công trình phục vụ lợi ích công cộng, công trình giao thông công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội làm hạn chế quyền sử dụng không gian ngầm, quyền xây dựng công trình ngầm hoặc quyền xây dựng, sử dụng công trình hoặc sử dụng không gian trên mặt đất. Các khoản mục chi phí này được tính vào tổng mức đầu tư dự án;

e) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển công trình ngầm, khai thác không gian tầm thấp, không gian tầm cao;

g) Các khoản thu từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền sau đây:

a) Quy định biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định trong phạm vi bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thu hồi một phần không gian ngầm, không gian tầm thấp và duy trì hoạt động đối với công trình, dự án đã được đầu tư xây dựng khi có giải pháp kỹ thuật để không làm ảnh hưởng đến sự ổn định, tuổi thọ và bảo đảm an toàn cho các công trình mà không phải thực hiện các thủ tục thu hồi đất. Trường hợp không có giải pháp kỹ thuật bảo đảm ổn định, tuổi thọ và an toàn công trình có liên quan thì thực hiện thủ tục thu hồi đất, thu hồi dự án (nếu có) theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư;

c) Quyết định trong phạm vi bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đối với dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, được quyết định việc điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư có liên quan để xây dựng công trình phục vụ lợi ích công cộng, công trình giao thông công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Điều 13. Quản lý đô thị và nhà ở

1. Việc đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Xây dựng các khu đô thị, đô thị thông minh, đô thị đa chức năng, đa mục tiêu, khu nhà ở xã hội theo hướng hiện đại, thuận tiện, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội;

b) Phù hợp quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị; bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy;

c) Bảo vệ các di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc, cảnh quan; bảo vệ, phát triển không gian xanh, không gian mặt nước;

d) Bảo đảm hài hòa lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp; ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ; nâng cao tiện ích đô thị, cải thiện môi trường sống, sinh kế cho dân cư ở khu vực cải tạo, chỉnh trang;

đ) Ưu tiên, hỗ trợ tổ chức, cộng đồng dân cư tự đề xuất, tự thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị;

e) Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn Thành phố;

b) Chính sách phát triển đô thị tại khu vực TOD phù hợp với quy hoạch;

c) Phương pháp xác định các khoản thu, mức thu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu tiền các khoản thu trong khu vực TOD đối với diện tích sàn xây dựng tăng thêm của các dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng hệ số sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch, khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất, phí cải thiện hạ tầng, khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, phí kết nối giao thông công cộng và các khoản thu khác để phát triển hệ thống đường sắt đô thị và việc kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực TOD;

d) Cơ chế, chính sách về đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà lưu trú công nhân, nhà ở cho thuê và các loại hình nhà ở khác;

đ) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ các dự án nhà ở theo quy hoạch;

e) Ban hành chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê;

g) Cơ chế xác định giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công, theo hướng không tính lãi suất bảo toàn vốn đầu tư và không phân bổ chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào giá thuê;

h) Quyết định việc sử dụng ngân sách để sửa chữa, bảo trì, mua bảo hiểm cháy nổ đối với toàn bộ phần sở hữu chung của các chung cư đã bố trí tái định cư nhưng vẫn còn căn hộ trống thuộc tài sản công;

i) Quy định về cơ chế, chính sách xử lý đối với dự án xây dựng nhà chung cư đã hết thời gian thực hiện dự án từ 05 năm trở lên mà vẫn chưa nghiệm thu hoàn thành và chủ đầu tư không có khả năng hoàn thành công trình.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định khác với quy định của pháp luật về cải tạo, xây dựng nhà chung cư về hình thức tổ chức hội nghị nhà chung cư để lựa chọn chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; quyết định hình thức thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trong trường hợp hội nghị nhà chung cư không lựa chọn

được chủ đầu tư; quyết định biện pháp cưỡng chế di dời phục vụ dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, chỉnh trang, tái thiết đô thị;

b) Quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng giữa các loại hình nhà ở thuộc tài sản công nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng;

c) Quy định việc hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở, nhà ở vì mục đích quốc phòng, an ninh, để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở thì được mua, thuê mua nhà ở xã hội không phải bốc thăm và không phải đáp ứng điều kiện về nhà ở, điều kiện về thu nhập theo quy định;

d) Quy định về việc người bị thu hồi nhà ở, đất ở được bố trí tái định cư bằng nhà ở xã hội được phép bán lại nhà ở đó theo cơ chế thị trường sau khi thanh toán đủ tiền mua nhà ở theo quy định;

đ) Giá bán, giá thuê, thuê mua căn hộ phục vụ tái định cư thuộc tài sản công áp dụng theo Bảng giá căn hộ phục vụ tái định cư do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

e) Quy định về việc xác định nhà ở cũ thuộc tài sản công tại Thành phố; việc bán nhà ở cũ thuộc tài sản công có nguồn gốc do người dân mua trả góp của chính quyền chế độ cũ mà đến nay người mua nhà chưa trả góp xong; việc không thu tiền sử dụng đất đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công đã được Nhà nước thanh lý, hóa giá nhà ở phù hợp với quy định về chính sách thanh lý, hóa giá nhà ở tại thời điểm thanh lý, hóa giá nhà mà Nhà nước đã thu tiền nhà và tiền vị trí đất; quyết định việc bán chỉ định theo giá thị trường cho người đang thực tế sử dụng nhà đối với phần diện tích nhà, đất còn lại của nhà ở cũ thuộc tài sản công mà phần diện tích đó không đủ điều kiện bán theo quy định pháp luật về nhà ở;

g) Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ khác với quy định pháp luật về nhà ở;

h) Ban hành khung giá cho thuê đối với loại hình nhà ở cho thuê nêu tại điểm h khoản 2 Điều này;

i) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê trên cơ sở phù hợp với quy hoạch và đề án thực hiện dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê;

k) Quy định thẩm quyền, nội dung kiểm tra, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân về phòng cháy, chữa cháy trong lĩnh vực xây dựng phù hợp với tình hình thực tiễn của đô thị đặc biệt;

l) Quy định giá, điều chỉnh giá bán, giá thuê, giá thuê mua căn hộ tái định cư thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố; cơ chế xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất trong giá bán, giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố; quy định việc rà soát, điều chỉnh giá phù hợp với biến động thực tế;

m) Quy định cơ chế xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất trong giá bán, giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội khác với quy định pháp luật về nhà ở và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố;

n) Quyết định việc gia hạn tiến độ thực hiện dự án bất động sản sử dụng nguồn vốn khác trên địa bàn Thành phố nhiều hơn 24 tháng; quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của nhà đầu tư và cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

o) Quy định việc bàn giao, tiếp nhận quản lý toàn bộ hoặc một phần công trình đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện bàn giao theo quy định của pháp luật về xây dựng; quyết định nguồn vốn ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo trì, khai thác công trình.

p) Quy định về cách thức tổ chức quản lý, khai thác, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu vực TOD bao gồm vận hành chung cư.

4. Đối với khu vực có quy hoạch phân khu được phê duyệt nhưng chưa có quy hoạch không gian ngầm đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ, hoặc khu vực có quy hoạch tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2010 thì khi cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được cấp phép xây dựng tối đa 01 tầng hầm trong phạm vi ranh đất phù hợp quy hoạch, và bảo đảm không ảnh hưởng đến các công trình ngầm công cộng, không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đã được phê duyệt mà không phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Quy mô tầng hầm được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại khoản này được cập nhật vào các quy hoạch có liên quan khi lập mới hoặc điều chỉnh.

5. Các công trình sau đây được miễn Giấy phép xây dựng:

a) Công trình công cộng (nhà, sân bãi để xe, nhà vệ sinh công cộng) trên đất do Nhà nước quản lý;

b) Công trình nhà ở riêng lẻ trên địa bàn Thành phố thuộc các khu vực đã có quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc khu vực quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc thiết kế đô thị riêng được phê duyệt;

c) Công trình trụ sạc điện, tủ đổi pin lắp đặt trên đất kết hợp đa mục đích sử dụng theo pháp luật đất đai;

d) Trường hợp khác được miễn Giấy phép theo quy định của pháp luật.

6. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trên địa bàn Thành phố được lựa chọn thực hiện thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 14. Phát triển hạ tầng giao thông, vận tải, logistics và bảo vệ môi trường

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ:

a) Đầu tư, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển, khai thác, bảo trì đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng giao thông, logistics, công trình ngầm công cộng; đường vành đai, các trục giao thông kết nối vùng, hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn trên địa bàn Thành phố và kết nối với các địa phương có hoạt động liên kết, phát triển vùng với vùng đô thị đặc biệt; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông, vận tải, logistics;

b) Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, bến xe, bãi đỗ xe đa chức năng;

c) Phát triển hạ tầng cảng biển, đường thủy nội địa, vận tải đường thủy;

d) Phát triển hạ tầng giao thông sử dụng năng lượng sạch, giao thông phi cơ giới; hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; biện pháp hạn chế sử dụng phương tiện giao thông phát thải gây ô nhiễm môi trường;

đ) Giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; quy định biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động xử lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng liên quan đến tái chế rác

thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất, quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý;

e) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải, công nghiệp môi trường và dịch vụ môi trường;

g) Hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm Thành phố để giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải; áp dụng phí giảm ùn tắc giao thông;

h) Di dời cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn; cảng, bến, kho bãi và cơ sở sản xuất kinh doanh không còn phù hợp quy hoạch phát triển đô thị, môi trường và cảnh quan sông nước của Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân thành phố có thẩm quyền:

a) Phân loại, điều chỉnh phân loại đường bộ, luồng, tuyến đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, bao gồm các đường quốc lộ, đoạn tuyến đường thủy nội địa đã được điều chuyển, giao cho Thành phố quản lý;

b) Quy định quản lý, khai thác, sử dụng công trình đường bộ, đường thủy, đường sắt địa phương, cảng, bến thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích khác ngoài mục đích giao thông, phù hợp với yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị;

c) Quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng hàng hải (không bao gồm luồng hàng hải và các hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển) trong phạm vi địa giới hành chính Thành phố; đoạn, tuyến được Trung ương phân cấp cho Thành phố quản lý;

d) Quyết định xây dựng công trình tạm, bến bãi, nhà để xe thông minh, nhà vệ sinh, trạm sạc điện, bến thủy nội địa tại khu đất công do Nhà nước quản lý, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, đất công viên, hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch và khu vực khác phù hợp với yêu cầu tổ chức giao thông, trật tự đô thị, mỹ quan đô thị mà không dựa trên quy hoạch;

đ) Quy định lộ trình chuyển đổi, phát triển giao thông xanh, phạm vi vùng phát thải thấp để hạn chế các phương tiện giao thông nhằm cải thiện chất lượng không khí; các biện pháp được áp dụng trong vùng phát thải thấp theo lộ trình phù hợp;

e) Kiểm soát hoạt động của các phương tiện giao thông dựa trên mức độ gây ùn tắc giao thông, khả năng đáp ứng của hạ tầng giao thông hiện hữu, gắn với yêu cầu quản lý trật tự đô thị, chuyển đổi xanh và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

g) Ban hành giá vé các phương thức vận tải hành khách công cộng, giá vé dùng chung liên thông đa phương thức;

h) Quy định điều kiện hoạt động, yêu cầu kỹ thuật, tổ chức quản lý và cơ chế giá đối với các phương thức giao thông, mô hình vận tải hành khách mới chưa có trong quy định pháp luật hiện hành;

i) Quy định tiêu chí khu, cụm công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu, cụm công nghiệp đang hoạt động thành khu, cụm công nghiệp sinh thái;

k) Quyết định việc tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do cơ quan, người có thẩm quyền của Thành phố quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư;

l) Quyết định bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt cho nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tự nguyện chuyển đổi công nghệ của dự án sang công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng bằng hình thức đặt hàng theo vòng đời dự án căn cứ theo tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình chuyển đổi, điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng được Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành, bảo đảm tính công khai, minh bạch;

m) Quyết định lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vận tải hành khách công cộng thông qua hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ; chủ động xác định thời gian thực hiện cung ứng dịch vụ để bảo đảm tính liên tục và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

n) Quyết định quản lý và sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt do chủ nguồn thải, hộ gia đình và cá nhân chi trả như một khoản thu ngân sách của Thành phố.

Điều 15. Đầu tư xây dựng công trình

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định việc thi tuyển hoặc không thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng phải thi tuyển kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc; sử dụng chi phí dự án để di dời, xây dựng hệ

thống hạ tầng kỹ thuật; áp dụng các tiêu chuẩn, giải pháp kỹ thuật đặc thù chưa quy định hoặc chưa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, nhằm đáp ứng điều kiện thực tiễn của Thành phố;

b) Quy định về việc thẩm định đối với dự án do Thành phố quyết định chủ trương đầu tư hoặc đầu tư trên địa bàn Thành phố, bao gồm điều chỉnh, phân cấp thẩm quyền thẩm định giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố; thẩm quyền của cơ quan thẩm định trong việc yêu cầu Chủ đầu tư chỉ định tổ chức tư vấn thực hiện công tác thẩm tra; nội dung, chi phí, trách nhiệm liên quan đến công tác thẩm tra; trách nhiệm của Chủ đầu tư và nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi; nội dung khác bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của đô thị đặc biệt;

c) Quyết định áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế, chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt để thực hiện TOD; ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư dự án hạ tầng giao thông gắn với dự án phát triển đô thị theo mô hình TOD;

d) Quy định danh mục vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu phù hợp vùng ven biển, hải đảo được ưu tiên áp dụng; quy định tỷ lệ, lộ trình sử dụng phù hợp với tính chất công trình, điều kiện thực tiễn của Thành phố; quyết định hoặc ủy quyền quyết định việc ưu tiên giải pháp thiết kế hạn chế sử dụng vật liệu truyền thống, giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên;

e) Quy định việc xác định và quản lý giá thiết bị đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP.

2. Đối với các dự án lớn, quan trọng hoặc cấp bách, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định các dự án được lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh căn cứ theo quy hoạch tổng thể Thành phố, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung Thành phố, quy chuẩn xây dựng nhưng chưa phù hợp với quy hoạch khác có liên quan thì được phê duyệt mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch. Quy hoạch có liên quan được cập nhật, công bố và quản lý theo quy định.

b) Quy định thẩm quyền, điều kiện, quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; tiêu chí đánh giá đối với các hình thức hợp đồng EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay hoặc hợp đồng hỗn hợp;

c) Quy định cơ chế quản lý chi phí đầu tư xây dựng, bao gồm việc áp dụng trực tiếp giá xây dựng để xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng mà không phải đánh giá, chứng minh việc chưa có định mức hoặc định mức hiện hành chưa phù hợp; áp dụng đồng thời phương pháp điều chỉnh giá bằng công thức điều chỉnh và phương pháp bù trừ trực tiếp đối với từng yếu tố chi phí trong hợp đồng xây dựng;

d) Quy định cơ chế bảo đảm nguồn vật liệu, bao gồm việc xác định và tính vào tổng mức đầu tư các chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với mỏ vật liệu xây dựng, bãi đổ, bãi tập kết, trung chuyển vật liệu và hạ tầng, mặt bằng phục vụ trực tiếp cho việc bảo đảm nguồn vật liệu chủ yếu của dự án;

đ) Quyết định việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án mà không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và các thủ tục khác có liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư;

e) Quyết định việc chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt; phân chia dự án thành phần, tiểu dự án không phụ thuộc vào yêu cầu vận hành độc lập; việc triển khai đồng thời các bước chuẩn bị, khảo sát, thiết kế và thực hiện dự án;

g) Quyết định việc miễn thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam đối với nhà thầu nước ngoài.

4. Đối với dự án lớn, quan trọng hoặc cấp bách có tổng mức đầu tư trên 20.000 tỷ đồng (hai mươi ngàn tỷ đồng), Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiểm toán hồ sơ tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đã hoàn thiện theo báo cáo thẩm định và báo cáo quyết toán dự án thành phần, dự án tổng thể.

5. Nguồn thu từ khai thác TOD được sử dụng để duy tu, bảo trì hệ thống hạ tầng, tái đầu tư phát triển các dự án hạ tầng và các dự án có khả năng tạo nguồn TOD khác.

6. Chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm hoàn trả phần chi phí vượt mức được bồi thường theo quy định cho dự án trong trường hợp sử dụng chi phí dự án để di dời, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

Điều 16. Bảo đảm trật tự, an toàn đô thị đặc biệt

1. Trong phạm vi trật tự, an toàn đô thị đặc biệt, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khác với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng mức tiền phạt vi phạm hành chính tương ứng quy định tại điểm b khoản này;

b) Mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, nhà ở, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh động vật, chăn nuôi và thú y trên địa bàn Thành phố.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố trong trường hợp sau đây:

a) Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với trường hợp theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung trong giấy phép xây dựng; công trình xây dựng sai với thiết kế xây dựng được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;

b) Công trình xây dựng trên đất bị lấn, chiếm theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy nhưng được tổ chức thi công khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

d) Công trình thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đã được thẩm duyệt hoặc thẩm định;

e) Cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke) không bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy;

g) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình xây dựng vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà không thực hiện yêu cầu về việc dừng hành vi vi phạm, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về đình chỉ hoạt động hoặc biện pháp khắc phục hậu quả;

h) Công trình thuộc trường hợp phải phá dỡ và đã có quyết định di dời khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Người cung cấp dịch vụ điện, nước có trách nhiệm ngừng cung cấp dịch vụ ngay khi có yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này

bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, thời hạn. Quyền ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước của người cung cấp dịch vụ điện, nước trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được thông báo cho người sử dụng dịch vụ và thể hiện trong hợp đồng sử dụng dịch vụ điện, nước.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định biện pháp đặc thù khác về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, biện pháp hành chính cấp bách phù hợp với yêu cầu bảo vệ Thành phố, bảo đảm hiệu lực quản lý đô thị, hài hòa giữa yêu cầu giữ vững an ninh, trật tự xã hội với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Chương IV

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA-XÃ HỘI

Mục 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Điều 17. Phát triển doanh nghiệp nhà nước và quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu có quyền, trách nhiệm:

a) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định mà không phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và được loại trừ hoặc giảm trừ trách nhiệm trong trường hợp đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục vì lợi ích chung và không có tư lợi;

b) Chủ động thực hiện biện pháp, giải pháp, mô hình quản trị, đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm biện pháp, giải pháp, mô hình chưa được quy định hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Quyết định tiền lương, thù lao và tiền thưởng cho người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định việc giao thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

b) Quyết định danh mục doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong phạm vi doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định:

a) Bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Trích không quá 80% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp;

c) Giao thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

4. Quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Đô thị đặc biệt;

b) Công khai, minh bạch, khách quan, giảm thiểu chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp gắn với cải cách hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu.

Điều 18. Phát triển kinh tế biển

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thu hút, huy động nguồn lực đầu tư phát triển trung tâm kinh tế biển quốc gia theo hướng bền vững, hiện đại, giữ vai trò đầu tàu kinh tế biển của cả nước, trong đó tập trung vào các lĩnh vực:

a) Phát triển hệ thống logistics, cảng biển, cảng trung chuyển quốc tế, khu cảng mở và các dịch vụ hàng hải;

b) Phát triển công nghiệp hỗ trợ hoạt động dầu khí, dịch vụ dầu khí, năng lượng, năng lượng tái tạo ngoài khơi;

c) Phát triển công nghệ sinh học biển; nuôi biển công nghệ cao; khai thác, chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá;

d) Phát triển du lịch biển, đô thị biển, công viên biển, dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và các dịch vụ biển chất lượng cao;

đ) Bảo vệ môi trường biển và ven biển; bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển.

2. Các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ bao gồm:

a) Miễn tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước trong thời hạn 20 năm đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển kinh tế biển; miễn tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước trong thời hạn 30 năm đối với dự án đầu tư chiến lược về cảng trung chuyển quốc tế, logistics, năng lượng tái tạo ngoài khơi và các dự án có quy mô đặc biệt quan trọng theo tiêu chí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;

b) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong thời gian xây dựng cơ bản và 15 năm kể từ ngày dự án đưa vào khai thác, sử dụng; sau thời gian miễn được giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển trong 10 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư chiến lược về kinh tế biển;

c) Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng logistics phục vụ trực tiếp hoạt động kinh tế biển;

d) Được áp dụng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế đối với dự án đầu tư chiến lược về kinh tế biển;

đ) Được áp dụng thủ tục hải quan và thủ tục kiểm tra chuyên ngành, thời gian lưu giữ riêng biệt đối với hàng hóa quá cảnh, trung chuyển quốc tế trong khu cảng mở Thành phố, nhằm tạo thuận lợi thương mại, liên kết khai thác, luân chuyển hàng hóa giữa các bến cảng.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định cụ thể đối tượng áp dụng, điều kiện, tiêu chí xác định dự án chiến lược, mức ưu đãi, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Quy định việc thành lập khu cảng mở Thành phố; mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu cảng mở Thành phố;

c) Quy định các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội khác nhằm phát triển kinh tế biển của Thành phố phù hợp với mục tiêu xây dựng trung tâm kinh tế biển quốc gia.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều này;

b) Công bố danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với các dự án thuộc lĩnh vực kinh tế biển theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và pháp luật có liên quan;

c) Thành lập, tổ chức và hoạt động của khu cảng mở Thành phố; áp dụng thủ tục hải quan và thủ tục kiểm tra chuyên ngành, thời gian lưu giữ riêng biệt đối với hàng hóa quá cảnh, trung chuyển quốc tế trong khu cảng mở Thành phố;

d) Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp khai thác cảng, doanh nghiệp logistics, hãng tàu và các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động cảng biển, kinh tế biển.

5. Khu cảng mở quy định tại Điều này là khu vực các cảng biển có ranh giới địa lý xác định để thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù liên quan đến hoạt động khai thác cảng biển, thủ tục hải quan và thủ tục kiểm tra chuyên ngành nhằm tạo thuận lợi thương mại, liên kết khai thác, luân chuyển hàng hóa giữa các bến cảng.

Điều 19. Phát triển các ngành dịch vụ

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định về phạm vi, danh mục, cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ đối với các ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ, hình thức tổ chức không gian dịch vụ tại Thành phố;

b) Quy định phạm vi, mô hình, điều kiện, cơ chế, chính sách đối với Trung tâm Outlet gắn với dịch vụ tổng hợp; hệ thống cửa hàng miễn thuế, cửa hàng hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định trình tự, thủ tục áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 20. Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định thành lập, điều chỉnh tên gọi; ranh giới; tăng hoặc giảm quy mô diện tích; mục tiêu, chức năng và các nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp;

b) Quy định chi tiết cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, các ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh, và các chính sách đặc thù phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về trình tự, thủ tục thành lập, điều chỉnh tên gọi; ranh giới; tăng hoặc giảm quy mô diện tích; mục tiêu, chức năng và các nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, điều chỉnh tên gọi; ranh giới; tăng hoặc giảm quy mô diện tích; mục tiêu, chức năng và các nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp; đồng thời quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh cục bộ các quy hoạch có liên quan;

b) Quyết định giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

4. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp có thẩm quyền sau đây:

a) Quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp;

b) Quyết định thành lập, gia hạn thời gian hoạt động, tạm dừng và chấm dứt hoạt động kho, bãi ngoại quan; địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS); địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng bưu chính; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa chuyển phát nhanh; kho hàng không kéo dài; địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế; kho bảo thuế, kho xăng dầu, khí, hóa chất trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp;

c) Thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật hải quan.

5. Hoạt động đầu tư, kinh doanh trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp:

a) Nhà đầu tư nước ngoài tại Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng; kinh doanh tạm nhập tái

xuất. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu được thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương;

b) Các doanh nghiệp trong Khu thương mại tự do có trụ sở chính và có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu thương mại tự do được niêm yết, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán, nhận thanh toán với nhau bằng ngoại tệ chuyển khoản từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong Khu thương mại tự do;

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở phòng giao dịch trong Khu thương mại tự do ngoài trụ sở chi nhánh.

6. Trường hợp Khu logistics tích hợp thuộc Khu thương mại tự do thì được áp dụng cơ chế, chính sách của cả Khu logistics tích hợp và Khu thương mại tự do.

Điều 21. Phát triển khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Điều kiện, tiêu chí xác định khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới;

b) Việc thành lập, điều chỉnh tên gọi; ranh giới; tăng hoặc giảm quy mô diện tích; mục tiêu, chức năng và các nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới;

c) Cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, các ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh, và các chính sách đặc thù phát sinh trong quá trình hoạt động của khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới;

d) Phạm vi, điều kiện, ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động, biện pháp quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề phát sinh khác để phát triển;

đ) Hoạt động đầu tư phát triển sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi; sử dụng phù hợp người lao động là người cao tuổi, gắn với chất lượng phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe;

e) Kinh tế đô thị, kinh tế sáng tạo; các hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, du lịch, dịch vụ khác mới.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới;

b) Biện pháp triển khai loại hình kinh tế mới.

Điều 22. Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định việc phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để huy động vốn nhằm triển khai các dự án trọng điểm của Thành phố;

b) Quy định cơ chế kết nối, tài trợ, hỗ trợ chuỗi giá trị giữa Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam với khu thương mại tự do, khu logistics, khu cảng mở Thành phố, khu vực TOD, khu đô thị khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, khu chức năng khác.

c) Quyết định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động.

d) Quy định cơ chế, chính sách khác phù hợp với quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan để bảo đảm xây dựng, vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo hướng thể hệ mới, có hệ sinh thái tài chính toàn diện và đa dạng, tăng cường kết nối sâu rộng với thị trường vốn quốc tế.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định điều chỉnh vị trí, địa giới hành chính, diện tích Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

b) Giao Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Cơ quan điều hành) thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố nắm giữ 100% vốn điều lệ, để đầu tư vào tổ chức hạ tầng thị trường, hạ tầng công nghệ; quản lý và khai thác hạ tầng; phát hành các sản phẩm tài chính thông qua Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

3. Cơ quan điều hành tại Thành phố có thẩm quyền:

a) Thành lập đơn vị sự nghiệp trực thuộc để thực hiện chức năng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chức năng khác; đơn vị trực thuộc khác;

b) Cấp phép thành lập công ty quản lý quỹ đầu tư và quản lý tài sản; ngân hàng có hoạt động đầu tư phù hợp với thông lệ quốc tế; các sản phẩm tài chính quốc tế; cấp chứng nhận xanh, công nhận kết quả xanh theo tiêu chuẩn quốc tế cho các sản phẩm tài chính;

c) Ban hành quy định hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp phép và hướng dẫn hoạt động sau khi có ý kiến của Bộ ban ngành liên quan đối với công ty quản lý quỹ đầu tư và quản lý tài sản, ngân hàng đầu tư, các sản phẩm tài chính quốc tế phù hợp với thông lệ quốc tế;

d) Áp dụng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực quy định tại Điều 36 của Luật này và các quy định của pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

đ) Chủ động thực hiện biện pháp, giải pháp, mô hình quản trị, đầu tư và kinh doanh của Cơ quan điều hành tại Thành phố, đơn vị sự nghiệp, đơn vị trực thuộc khác của Cơ quan điều hành tại Thành phố;

e) Ban hành quy chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ để thực hiện, trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích;

g) Thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thành lập Sở giao dịch chứng khoán và chi nhánh Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam được cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ khác phù hợp với Giấy phép cho tổ chức, cá nhân trong nước.

6. Các khoản đóng góp, tài trợ cho Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân là các khoản được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Điều 23. Phát triển hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng gắn với an ninh năng lượng quốc gia

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mở rộng đối tượng tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện trong phạm vi đô thị đặc biệt.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định về trình tự, thủ tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực theo nguyên tắc tại khoản 2 Điều 8 của Luật này;

b) Quyết định phê duyệt Đề án hình thành Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia sử dụng tích hợp điện, khí, khí hoá lỏng, lọc, hóa dầu, năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố;

c) Quyết định điều chỉnh cục bộ, cập nhật, bổ sung Danh mục các dự án thuộc Đề án được duyệt tại điểm b khoản này vào các quy hoạch liên quan: quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch khác liên quan.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định điều chỉnh, cập nhật quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trong phạm vi đô thị đặc biệt; phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tổng thể đô thị, bao gồm:

Điều chỉnh thông tin chi tiết dự án nguồn điện, dự án pin lưu trữ (BESS); bổ sung dự án nguồn điện để bù đắp, thay thế dự án nguồn điện chậm tiến độ hoặc không triển khai; bổ sung dự án pin lưu trữ (BESS) để nâng cao khả năng vận hành của hệ thống điện.

Điều chỉnh danh mục dự án trong quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều chỉnh dự án lưới điện bao gồm: tên gọi, số lượng, quy mô công suất, cấp điện áp, điểm đầu nối, thời gian, thông tin khác của dự án; bổ sung dự án lưới điện để đồng bộ với nguồn điện, giải tỏa công suất nguồn điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải, bảo đảm vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện quốc gia;

b) Phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực trong phạm vi Thành phố (là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch phát triển điện lực về phương án phát triển, sắp xếp, phân bố không gian phát triển cho ngành điện lực);

c) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đối với các dự án năng lượng trong phạm vi quản lý của Thành phố, bao gồm: phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn và bán lẻ điện.

4. Các dự án hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng trong Danh mục các dự án thuộc Đề án được duyệt tại điểm b khoản 2 Điều này được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 37 của Luật này.

5. Dự án hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng có quy mô triển khai vượt ra ngoài phạm vi đô thị đặc biệt: cơ chế, chính sách quy định tại Luật này được áp dụng cho toàn bộ dự án và các chủ thể tham gia sau khi có ý kiến thống nhất của các địa phương liên quan.

Mục 2. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH, GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, Y TẾ, AN SINH XÃ HỘI

Điều 24. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa, sử dụng ngân sách nhà nước để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao và du lịch của Thành phố; việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức tôn tạo, bảo vệ khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị;

b) Quy định tổ chức, hoạt động, cơ chế quản lý, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển khu phát triển thương mại, văn hóa, thể thao; khu trung tâm công nghiệp văn hóa; cụm, khu, tổ hợp văn hóa - sáng tạo; khu phát triển kinh tế đêm; các loại hình tổ chức, thiết chế văn hóa, thể thao khác.

Khu phát triển thương mại, văn hóa - thể thao quy định tại điểm này là khu vực, không gian đô thị hoặc địa điểm được quy hoạch có ranh giới xác định để kết hợp các hoạt động thương mại với các giá trị văn hóa và hạ tầng thể dục thể thao. Khu phát triển thương mại, văn hóa, thể thao được thành lập, tổ chức hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản.

Trung tâm công nghiệp văn hóa; cụm, khu, tổ hợp văn hóa - sáng tạo quy định tại điểm này là các khu vực, không gian đô thị hoặc địa điểm được quy hoạch có ranh giới xác định để các nghệ sĩ, nhà thiết kế, doanh nghiệp khởi nghiệp và những người làm sáng tạo cùng làm việc và tương tác thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với văn hóa, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong các lĩnh vực công nghiệp văn hóa, sáng tạo.

Khu phát triển kinh tế đêm quy định tại điểm này là khu vực tập trung các hoạt động thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể thao, du lịch, ẩm thực, vui chơi, giải trí và các hoạt động kinh tế khác vận hành theo quy hoạch, điều kiện, tiêu chí và thời gian do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;

c) Quy định cơ chế, chính sách đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ sáng tạo các công trình văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật;

d) Quy định chi tiết trình tự, thủ tục bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt phù hợp với quy định của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tiễn của Đô thị đặc biệt;

đ) Quy định việc đặt, đổi tên đường, công trình công cộng trên địa bàn Thành phố;

e) Quyết định danh mục di sản, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc, công trình khác có giá trị trên địa bàn Thành phố cần tập trung nguồn lực để bảo vệ, phát huy giá trị;

g) Quy định cơ chế quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo;

h) Quy định chính sách bảo đảm nguồn lực để đào tạo, phát triển nguồn nhân lực văn học, nghệ thuật, nhất là các loại hình nghệ thuật truyền thống; ưu đãi, hỗ trợ người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể, vận động viên, huấn luyện viên;

i) Quy định cơ chế hỗ trợ phát triển mô hình dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch và hoạt động du lịch khác với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương, phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, yêu cầu cung ứng dịch vụ và điều kiện thực tiễn của Thành phố;

k) Quy định tiêu chí, điều kiện công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố khác với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương;

2. Trên cơ sở yếu tố gốc cấu thành di tích và giá trị di tích, di sản trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định yêu cầu, điều kiện, hồ sơ quản lý, biện pháp bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, tôn tạo công trình kiến trúc có giá trị, trừ di tích, di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận hoặc ghi danh;

b) Quy định cơ chế hợp tác công - tư trong quản lý, khai thác, sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt sau khi tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa ở trung ương;

b) Cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối với doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố;

c) Thẩm định, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố.

Điều 25. Phát triển giáo dục, đào tạo

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở thực hiện liên kết giáo dục và các mô hình trường tiên tiến, hiện đại;

b) Điều kiện, tiêu chí, danh mục các cơ sở giáo dục trọng điểm trên địa bàn Thành phố;

c) Chính sách cấp học bổng, cơ chế ưu đãi đặc biệt cho người có năng khiếu, tài năng, có thành tích đặc biệt xuất sắc; cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ

khác cho học sinh, sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm trên địa bàn Thành phố;

d) Chính sách hỗ trợ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, cá nhân khác tham gia hoạt động hỗ trợ giáo dục, hoạt động giáo dục toàn diện trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố;

đ) Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố;

e) Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố tham gia các hoạt động giáo dục nghề nghiệp phù hợp với tình hình thực tiễn của Đô thị đặc biệt.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định việc thực hiện liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, tư thục với cơ sở nước ngoài;

b) Bổ sung chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục của Thành phố, đồng thời bảo đảm yêu cầu về mục tiêu giáo dục, kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt của người học được quy định trong chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia;

c) Ban hành chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục của Thành phố, đồng thời bảo đảm yêu cầu về mục tiêu giáo dục, kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt của người học được quy định trong chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia;

d) Quy định tiêu chí, điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhà giáo, và dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học công lập, cao đẳng công lập do Thành phố quản lý; cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học tư thục, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố;

b) Cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động đối với trường đại học, cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, liên kết đào tạo

với cơ sở nước ngoài trên địa bàn Thành phố sau khi lấy ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Phát triển hệ thống y tế, an sinh xã hội

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để chi trả cho các chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp;

b) Các dịch vụ, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh lưu động, từ xa, ứng dụng công nghệ số;

c) Chính sách phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế; giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ thanh toán;

d) Cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động của hệ thống y tế các cấp trên địa bàn Thành phố; huy động, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố tham gia hoạt động cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế, phòng chống dịch bệnh, ứng phó thảm họa, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và các nhiệm vụ y tế công ích khác của Thành phố;

đ) Chế độ, chính sách ưu đãi hơn cho người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố;

e) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thụ hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn Thành phố;

g) Cơ chế, chính sách thu hút người nước ngoài đến khám, chữa bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền điều phối quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của bệnh viện công lập cho bệnh viện công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong trường hợp số dư quỹ vượt quá 02 lần mức trích khấu hao, hao mòn tài sản cố định hằng năm và đơn vị có quỹ không có nhu cầu sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam;

b) Cấp phép nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt được sử dụng cho mục đích cấp cứu hoặc chống độc, chống thải ghép hoặc thuốc thuộc Danh mục thuốc hiếm cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn;

c) Quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

4. Người nước ngoài đến khám, chữa bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố được hỗ trợ cấp thị thực, thẻ tạm trú theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh phù hợp với nhu cầu, yêu cầu về thời gian khám, chữa bệnh hợp pháp theo xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh.

Trường hợp người nước ngoài quy định tại khoản này có thành viên gia đình (bao gồm cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) đi cùng để chăm sóc, nuôi dưỡng người nước ngoài trong thời gian khám, chữa bệnh thì được hỗ trợ cấp thị thực, thẻ tạm trú theo quy định tại khoản này.

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí về xác định đối tượng; nhu cầu, yêu cầu về thời gian quy định tại khoản này.

Điều 27. Quản lý an toàn thực phẩm

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước và kiểm tra về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố;

b) Quy định cơ chế, chính sách về ưu đãi, hỗ trợ, đầu tư, nguồn lực để bảo đảm hiệu quả về an toàn thực phẩm; phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung và hệ thống cơ sở dữ liệu trong quản lý thực phẩm và an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố, vùng Đô thị đặc biệt;

c) Quy định về cơ chế giám sát, phản ứng nhanh để phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Tổ chức, vận hành hệ thống kiểm tra an toàn thực phẩm dựa trên quản lý, kiểm soát, giám sát rủi ro;

b) Quy định quy chế cung ứng, cung cấp thông tin về nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm tại Đô thị đặc biệt và nhập vào Đô thị đặc biệt;

c) Quy định về quy trình giám sát, phản ứng nhanh để phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

d) Quyết định áp dụng biện pháp phản ứng nhanh; thành lập Đội phản ứng nhanh để phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm;

đ) Quyết định biện pháp khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao trên địa bàn Thành phố để bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.

Chương V

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 28. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện phát triển của đô thị đặc biệt và các yêu cầu sau đây:

a) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải được tích hợp trong hoạch định chính sách, quản lý nhà nước và phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của đô thị đặc biệt. Ưu tiên giải quyết các vấn đề lớn của Thành phố; thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bằng các chính sách vượt trội;

b) Ưu tiên thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, làm cơ sở để tổng kết thực tiễn và nhân rộng các mô hình hiệu quả trong phạm vi cả nước;

c) Quản trị rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố;

d) Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được phân bổ, sử dụng linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, minh bạch, dựa trên kết quả đầu ra gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi số, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và hiệu quả quản lý đô thị.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố;

b) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thương mại hóa sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm công nghệ số; phát triển tài sản số;

c) Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố; chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

d) Trường hợp giao trực tiếp, chỉ định thầu đối với nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dự án ứng dụng công nghệ số có sử dụng ngân sách Thành phố;

đ) Việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và viên chức làm việc tại các cơ sở, tổ chức đó;

e) Lĩnh vực, tiêu chí, điều kiện, trình tự thủ tục, nội dung, mức hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố chi phí ươm tạo dự án khởi nghiệp sáng tạo bao gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, khu làm việc chung;

h) Tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc;

i) Tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và chính sách ưu đãi khác đối với cá nhân trong tổ chức khoa học

và công nghệ tham gia xây dựng, hình thành và quản lý trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế;

k) Tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

l) Cơ chế, chính sách đầu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức khác có chức năng đào tạo trong nước và nước ngoài thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định về phát triển Đô thị khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; phương thức thúc đẩy phát triển không gian, hạ tầng khoa học, công nghệ và hệ thống đổi mới sáng tạo tại các đô thị khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Đô thị khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo quy định tại điểm này là đô thị có hệ sinh thái không gian tích hợp, hội tụ các nguồn lực tri thức để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; ươm tạo, thử nghiệm và thương mại hóa các công nghệ, giải pháp, mô hình mới;

b) Quy định về phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, tầm cỡ quốc tế thông qua hình thức tài trợ, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

c) Quy định việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia xây dựng, hình thành và quản lý trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế;

d) Quy định khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố;

đ) Quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và các hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

e) Quy định việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu;

g) Quy định về bảo đảm an toàn, quản lý rủi ro, biện pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước trên địa bàn;

h) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn trong các lĩnh vực để áp dụng tại Thành phố cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; lựa chọn công nhận, áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực, quốc tế.

Việc thực hiện quy định tại điểm này phải bảo đảm liên thông, kết nối kỹ thuật, quản lý và dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, các địa phương khác và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; không tạo rào cản đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại;

i) Đầu tư, mua sắm tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất dùng chung và giao quyền quản lý, sử dụng, khai thác cho các đơn vị không thuộc quyền quản lý của địa phương để phục vụ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn có hiệu quả;

k) Bố trí ngân sách để bổ sung vốn điều lệ hàng năm vào Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố;

l) Quy định thành lập, tổ chức hoạt động, quản lý Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có sử dụng ngân sách Thành phố được áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn để lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ, hàng hóa khi thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp mua sắm trực tiếp theo quy định của pháp luật.

5. Khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế với mức là 200% chi phí thực tế nhưng phải bảo đảm sau khi áp dụng mức chi bổ sung, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp không bị lỗ.

Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này được xác định là sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Doanh nghiệp được sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp để góp vốn, mua cổ phần, đầu tư vào Quỹ Đầu tư mạo hiểm có ngân sách Thành phố.

7. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong 3 năm kể từ khi có thu nhập phát sinh, trường hợp được gia hạn lại 01 lần không quá 3 năm thì áp dụng giảm 50% cho khoảng thời gian được gia hạn

tiếp theo này; sản phẩm sản xuất thử nghiệm được miễn thuế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật này.

8. Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố được thành lập theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

9. Đơn vị hành chính thuộc Đô thị đặc biệt và cơ quan chuyên môn Thành phố thực hiện xét và quyết định việc hỗ trợ kinh phí thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố.

Điều 29. Thử nghiệm có kiểm soát (sandbox)

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện để xác định, lựa chọn, điều chỉnh, kết thúc, hoàn thành dự án thử nghiệm có kiểm soát;

b) Cơ chế bảo vệ người tham gia thử nghiệm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát;

c) Chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào phê duyệt, hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; việc sử dụng cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, cơ sở hạ tầng, tài sản công để hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát;

d) Chính sách ưu tiên mua sắm, đầu tư từ ngân sách Thành phố và hỗ trợ phát triển thị trường đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát được đánh giá đạt hiệu quả;

đ) Phạm vi, điều kiện, tiêu chí được sử dụng cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước liên quan để phục vụ thử nghiệm có kiểm soát; hỗ trợ phát triển thị trường đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục cho phép, lựa chọn, điều chỉnh, kết thúc, hoàn thành việc thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới và các mô hình khác;

b) Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát và ban hành quy chế thử nghiệm có kiểm soát đối với từng dự án thử nghiệm; quyết định việc tạm thời không áp dụng một số quy định pháp luật trong phạm vi giới hạn thử nghiệm có kiểm soát đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể đã có quy định của pháp luật

nhưng không đủ cụ thể hoặc không còn phù hợp; điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, tạm dừng, gia hạn, kết thúc thử nghiệm có kiểm soát;

c) Báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình, kết quả thử nghiệm có kiểm soát; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực, nội dung có liên quan.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Phê duyệt hoặc cấp phép thử nghiệm dự án thử nghiệm có kiểm soát; cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức có liên quan hướng dẫn và kiểm soát quá trình thử nghiệm;

b) Dự án thử nghiệm có kiểm soát được sử dụng cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước liên quan để phục vụ thử nghiệm có kiểm soát; hỗ trợ phát triển thị trường đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 30. Phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố bao gồm loại hình khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và loại hình tập trung, liên kết ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực khác.

2. Khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là khu vực nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm của đất nước và Thành phố Hồ Chí Minh; là nơi thử nghiệm, thí điểm về cơ chế, chính sách cho việc quản lý, phát triển công nghệ cao và các khu công nghệ cao trong cả nước.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Việc thành lập, điều chỉnh, đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển khu công nghệ cao; chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

b) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ phát triển hạ tầng khu công nghệ cao, dự án đầu tư và các hoạt động tại khu công nghệ cao;

c) Cơ chế, chính sách, mô hình về quản lý, quản trị khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố và các nội dung khác phục vụ phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

d) Cơ chế, chính sách phát triển đô thị công nghệ cao xuất phát từ yêu cầu và tình hình thực tiễn tại Thành phố.

4. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương VI

NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT

Điều 31. Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố toàn bộ số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao sau khi đã thực hiện thường vượt dự toán các khoản thu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu sau đây:

- a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);
- b) Thuế thu nhập cá nhân;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- d) Thuế bảo vệ môi trường.

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố toàn bộ số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% trên địa bàn Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao đối với các khoản thu sau đây:

- a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung;
- b) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- c) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện (trừ phí thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí). Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- d) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và bảo đảm

ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định mức bổ sung có mục tiêu phù hợp với yêu cầu thực tế điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm tính chủ đạo của ngân sách trung ương.

Các khoản thu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không bao gồm khoản thu không giao cho Thành phố quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thành phố mà chỉ hạch toán nộp ở Thành phố; khoản thu đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho nhiệm vụ chi cụ thể; khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 4 Điều này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố.

4. Ngân sách Thành phố được hưởng toàn bộ các khoản thu sau đây:

- a) Thu tiền sử dụng đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố;
- b) Thu tiền cho thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố;
- c) Thu từ giao dịch tín chỉ các-bon, kết quả giảm phát thải khí nhà kính từ các chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon sử dụng ngân sách Thành phố;
- d) Thu từ phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;
- đ) Các khoản thu khác theo quy định tại Luật này mà chưa được quy định trong pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

- a) Quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố;
- b) Quy định nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách Thành phố, nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước;
- c) Quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ các tổ chức

tài chính trong nước, quốc tế để huy động vốn nhằm triển khai các dự án đầu tư của Thành phố;

d) Quy định việc sắp xếp, tổ chức lại, thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động theo hướng đa mục tiêu, đa chức năng, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả;

đ) Quy định hoặc giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, cơ chế khoán chi đối với các nhiệm vụ chi sử dụng ngân sách Thành phố khác hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên;

e) Quy định việc bố trí nguồn vốn đầu tư công trong phạm vi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án cho các dự án có trong danh mục đầu tư công trung hạn, quyết toán dự án hoàn thành và các dự án khẩn cấp khi được người có thẩm quyền phê duyệt lệnh khẩn cấp không phụ thuộc vào mức vốn hằng năm đã giao cho từng dự án; việc bố trí nguồn vốn chi thường xuyên để chủ động phân bổ và giao dự toán thực hiện chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành trong năm ngân sách.

Việc bố trí vốn phải bảo đảm yêu cầu về kỷ luật, kỷ cương giải ngân các nguồn vốn, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản;

g) Quyết định cơ cấu chi ngân sách Thành phố phù hợp với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; việc sử dụng các nguồn kết dư ngân sách, quỹ ngân sách của Thành phố;

h) Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án ngoài địa bàn Thành phố;

i) Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để hỗ trợ cơ quan Trung ương, địa phương khác trong nước hoặc hỗ trợ quốc gia khác;

k) Bố trí vốn đầu tư công từ ngân sách thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố được tổ chức có chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hoặc làm đầu mối cho vay hợp vốn với các tổ chức tín dụng theo đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, mức, thời gian hỗ trợ do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cụ thể;

l) Bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm đại diện chủ sở hữu hoặc từ nguồn ngân sách địa phương để bổ sung vốn điều lệ cho tổ chức có chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương để thực hiện chức năng cho vay, đầu tư theo quy định. Chủ tịch Ủy

ban nhân dân Thành phố quyết định việc bổ sung vốn điều lệ của tổ chức có chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương từ các nguồn trên sau khi Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt chủ trương và từ lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định để bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển;

m) Bố trí ngân sách cho tổ chức có chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương vay để thực hiện cho vay các dự án thuộc các chương trình mục tiêu, các dự án trọng điểm; các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội do đơn vị sự nghiệp công lập làm chủ đầu tư; các dự án thuộc lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ mà giá, khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật, môi trường; hoặc các lĩnh vực khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định,;

n) Quy định tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác với quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính (nếu cần) để làm cơ sở xem xét bố trí nguồn kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 7 của Luật này;

o) Quyết định điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%;

p) Quy định khoản thu khác theo quy định tại Luật này mà chưa được quy định trong pháp luật về ngân sách nhà nước;

q) Quyết định việc trích lập các quỹ (cải cách tiền lương, quỹ dự trữ tài chính) phù hợp với khả năng và nhu cầu của địa phương;

r) Quy định trình tự, thủ tục sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện trách nhiệm chi trả của nhà nước cho tổ chức, cá nhân theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc theo quyết định giải quyết khiếu nại hành chính có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn Thành phố;

s) Quy định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ thưởng của Thành phố;

t) Bố trí ngân sách Thành phố cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm duy trì tính liên tục và an ninh chất thải của đô thị.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ thưởng của Thành phố theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Nguồn tài chính của Quỹ thường được trích từ nguồn tăng thu thuế, phí thực hiện hằng năm so với dự toán của ngân sách Thành phố và các nguồn tài chính hợp pháp khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định;

b) Quyết định điều hành linh hoạt việc sử dụng ngân sách Thành phố cho chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên trong tổng nguồn vốn ngân sách Thành phố đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất và tổng hợp báo cáo tại kỳ họp thường lệ cuối năm;

c) Quy định chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai từ nguồn Quỹ phòng chống thiên tai phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố.

7. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện cho vay đối với chương trình, dự án theo quy định tại Luật này phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 32. Thẩm quyền đầu tư

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương, trừ dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân;

b) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP trên địa bàn Thành phố có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi là ODA), vốn vay ưu đãi của nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công, dự án PPP đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Ủy ban nhân dân Thành phố làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án trong trường hợp không làm tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân, dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, xuất bản, báo chí, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật trên địa bàn Thành phố.

3. Đối với dự án đầu tư theo quy định của khoản 1 Điều 3 của Luật này cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và sau khi tham vấn các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

4. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, nhà thầu thực hiện gói thầu thuộc dự án quy định của khoản 1 Điều 3 của Luật này được áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Hồ sơ, nội dung thẩm định, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và dự án đầu tư công, dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn Thành phố;

d) Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định dự án cần triển khai ngay theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu phù hợp với yêu cầu khẩn cấp, cấp bách của dự án, gói thầu khác với quy định tại khoản 4 Điều này; áp dụng chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với dự án, hạng mục cần triển khai ngay nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án;

e) Cơ chế, chính sách về đầu tư, quản lý cơ sở hạ tầng và biện pháp hỗ trợ khác cho phát triển dịch vụ pháp lý, giải quyết tranh chấp quốc tế trên địa bàn Thành phố;

g) Thời hạn nộp hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án quy định tại khoản 7 Điều này.

6. Đối với dự án do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hoặc quyết định chính sách, biện pháp đặc biệt, khác với quy định của pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc với điều kiện phải bảo đảm các nguyên tắc, yêu cầu sau đây:

a) Phải có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật, trong đó nguyên nhân dẫn đến vi phạm, sai phạm là do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước hoặc do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư, chủ đầu tư; cho phép xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đồng thời với quá trình xử lý trách nhiệm theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án, bảo đảm không làm phát sinh sai phạm mới và có phương án khắc phục thiệt hại;

b) Đối với dự án đang trong quá trình tiến hành tổ tụng hình sự, hành chính, dân sự thì việc áp dụng quy định tại khoản này chỉ được thực hiện sau khi có bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đình chỉ vụ án; trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung quyết định xử lý khác với quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại khoản này thì thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm khắc phục hậu quả các vi phạm về kinh tế, thu hồi lợi ích vật chất do hành vi vi phạm; không hợp pháp hóa sai phạm, không để phát sinh sai phạm mới; kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng việc thực hiện quy định tại khoản này để tham nhũng, tiêu cực, bao che hành vi vi phạm;

d) Bảo đảm phù hợp với thực tiễn khách quan, hoàn cảnh lịch sử cụ thể; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan, lợi ích chính đáng của bên thứ ba ngay tình trong lợi ích tổng thể của quốc gia theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hạn chế tối đa các tranh chấp, khiếu kiện, nhất là tranh chấp có yếu tố nước ngoài;

đ) Phải phân loại dự án theo tiêu chí về nguyên nhân chậm triển khai; việc quyết định các biện pháp giải quyết phải phù hợp với tình trạng pháp lý, nghĩa vụ tài chính, mức độ vi phạm và khả năng tiếp tục thực hiện của từng dự án;

e) Công khai đầy đủ các thông tin về dự án, khó khăn, vướng mắc và tất cả trình tự, thủ tục, quyết định xử lý dự án; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm báo cáo Chính phủ tình hình xử lý dự án nếu áp dụng chính sách, biện pháp khác với quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội nếu khác với quy định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

g) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này phải hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031; trường hợp cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo Luật này mà đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo quyết định đã ban hành;

h) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này không làm thay đổi hoặc làm chấm dứt trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm pháp lý khác theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc theo bản án đã có hiệu lực pháp luật (nếu có).

7. Nhà đầu tư được gia hạn thời hạn hoạt động của dự án ngoài khu kinh tế (bao gồm dự án đầu tư hiện hữu và dự án đầu tư mở rộng) không vượt quá 70 năm kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Dự án đầu tư mở rộng quy định tại khoản này là dự án đầu tư đang hoạt động được nhà đầu tư tiếp tục đầu tư nhằm mở rộng quy mô về vốn, về sử dụng đất, về phạm vi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, về công suất thiết kế, hạng mục công trình, về đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm, cải thiện môi trường hoặc về nội dung khác.

Điều 33. Sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong quản lý, khai thác, sử dụng tài sản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác

1. Đô thị đặc biệt được áp dụng hình thức hợp tác giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân trong việc tham gia quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác. Việc hợp tác quy định tại điểm này bao gồm:

a) Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc phương thức khác;

b) Thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác;

c) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác hoặc phương thức khác trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, công trình, tài sản công khác do Nhà nước đầu tư, quản lý hoặc công trình, tài sản quy định tại điểm b khoản này;

d) Trường hợp khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục; cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, ưu đãi đầu tư trong áp dụng hình thức hợp tác quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc lựa chọn, áp dụng hình thức hợp tác tại khoản 1 Điều này đối với trường hợp cụ thể.

4. Việc ban hành, thực hiện quy định tại Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản hiệu quả, đúng mục đích, công năng của tài sản, tiêu chuẩn, chế độ; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ;

b) Thỏa thuận bình đẳng, tự nguyện với nhà đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, tài sản trong thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước;

c) Công khai thông tin và các cam kết của hợp đồng về chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng quyền có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác hoặc phương thức khác trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, công trình, tài sản công khác, trừ thông tin bí mật theo quy định của luật;

d) Bảo đảm việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

1. Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh khu phức hợp giải trí nghỉ dưỡng bao gồm dịch vụ lưu trú phục vụ khách du lịch đạt chuẩn tối thiểu 5 sao, dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp và các dịch vụ mua sắm, vui chơi giải trí tổng hợp tại hành lang sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và hành lang ven biển để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án đầu tư cơ sở y tế chuyên sâu có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên; cơ sở chăm sóc người cao tuổi có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ trở lên; khu liên hợp thể thao, công viên văn hóa hoặc công viên chuyên đề có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

đ) Dự án cải tạo, di dời nhà trên sông, nhà ven sông, nhà trên kênh rạch, nhà ven kênh rạch có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

e) Dự án đầu tư độc lập hoặc kết hợp các loại hình công viên cây xanh công cộng, bãi đỗ xe công cộng, hạ tầng năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;

g) Dự án nhà máy đốt rác phát điện có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;

h) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thoát nước có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

i) Dự án xử lý, chuyển đổi các bãi chôn lấp rác đã dừng hoạt động vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

k) Dự án thuộc khu trọng điểm phát triển đô thị được xác định theo Quy hoạch chung Thành phố, Quy hoạch tổng thể Thành phố có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng trở lên;

l) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng tại khu thương mại tự do bao gồm: đầu tư bến cảng quy mô vốn từ 75.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư trung tâm logistics quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư khu chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ với quy mô vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng trở lên;

m) Dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này có quy mô từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Nhà đầu tư chiến lược phải bảo đảm khả năng huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư và đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến dưới 30.000 tỷ đồng;

b) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư cùng một dự án thì tổng vốn chủ sở hữu góp vào dự án của các nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, trong đó phải có ít nhất 01 nhà đầu tư góp tối thiểu là 30% và các nhà đầu tư còn lại phải góp tối thiểu là 15%.

4. Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định.

5. Nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 7 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng ưu đãi đầu tư và có nghĩa vụ quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này.

6. Căn cứ Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được chỉ định nhà đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

7. Đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện như sau:

a) Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp có 01 nhà đầu tư đề xuất và đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp dự án quy định tại điểm a khoản này có 02 nhà đầu tư chiến lược trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại cùng một địa điểm, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư chiến lược đầu tiên thì cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm và thành lập Hội đồng xét duyệt nhà đầu tư chiến lược theo danh mục để công khai và công bằng trong lựa chọn nhà đầu tư chiến lược;

c) Đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư chiến lược trở lên nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại cùng một địa điểm, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư chiến lược đầu tiên thì cơ quan đăng ký đầu tư lựa chọn nhà đầu tư tương tự quy định tại điểm b khoản này;

d) Đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

8. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Hỗ trợ phát triển nhân lực; hạ tầng và các công trình hạ tầng xã hội; chi phí hỗ trợ cho các sản phẩm công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển;

c) Ưu đãi, hỗ trợ khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược.

9. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 30.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 07 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng đến dưới 100.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên thì phải giải ngân tối thiểu 50.000 tỷ đồng trong thời hạn 10 năm đầu tiên và hoàn tất việc đầu tư, xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 20 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa.

c) Không được chuyển nhượng dự án trong thời hạn giải ngân quy định tại điểm b khoản này kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa; đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên quy định tại điểm b khoản này thì không được chuyển nhượng dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa;

d) Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên, bảo đảm tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

10. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định khoản 8 Điều này.

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

11. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược và tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Đô thị đặc biệt và bảo đảm điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trách nhiệm bồi hoàn các khoản ưu đãi đã nhận trong trường hợp nhà đầu tư chiến lược không được hưởng ưu đãi do không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với Thành phố.

Điều 35. Quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định danh mục thu hồi đất áp dụng đối với trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; thu hồi cơ sở nhà, đất trên địa bàn Thành phố do cơ quan Trung ương quản lý khi có căn cứ thu hồi đất quy định của pháp luật về đất đai; thu hồi đất vùng phụ cận đường bộ, nhà ga, đề-pô đường sắt đô thị đồng thời với việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng mới trục đường bộ, đường sắt đô thị hoặc mở rộng trục đường bộ hiện có theo quy hoạch; dự án thuộc danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược; tạo quỹ đất để thanh toán cho hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao và dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập quy định tại điểm b khoản này;

b) Quy định điều kiện, tiêu chí, trường hợp tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này;

c) Quy định cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

d) Quy định cơ chế, chính sách về lâm nghiệp và phát triển không gian xanh đô thị trên địa bàn Thành phố;

đ) Quy định trường hợp khai thác khoáng sản nhóm III và nhóm IV không phải thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục đối với các trường hợp quy định tại điểm b, điểm đ khoản 1 và điểm g khoản này;

b) Quyết định chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

c) Quyết định việc góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để chỉnh trang, tái thiết hoặc xây dựng mới đô thị và nông thôn theo quy hoạch của Thành phố;

d) Quyết định tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, nông nghiệp đô thị;

đ) Quyết định diện tích, tỷ lệ sử dụng đất để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn;

e) Quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Luật này;

g) Quyết định danh mục dự án được tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

h) Quyết định việc xử lý, cơ sở nhà, đất trên địa bàn Thành phố do cơ quan Trung ương quản lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

i) Quyết định mức bồi thường bằng tiền để tự lo nơi ở mới đối với trường hợp người có đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường bằng đất ở, đủ điều kiện tái định cư nhưng chưa có quỹ nhà, đất tái định cư để bố trí theo quy định;

k) Quyết định trường hợp áp dụng Bảng giá đất; Bảng giá đất và hệ số điều chỉnh hoặc xác định giá đất cụ thể cho một số trường hợp để phù hợp với điều kiện thực tiễn của Đô thị đặc biệt;

l) Quyết định cấp phép đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước mà không phải căn cứ vào quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch liên quan;

m) Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp mà không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến Hội đồng nhân dân Thành phố;

n) Lựa chọn, chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm mà sản phẩm thu hồi được sử dụng phục vụ dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này;

o) Quy định công tác quản lý hoạt động khoáng sản nhóm III và nhóm IV trên địa bàn Thành phố về hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản; thu hồi khoáng sản; chế biến khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác; tài chính về địa chất, khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản; chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế mỏ, môi trường và sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản.

3. Việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại điểm e khoản 2 điều này phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc quy hoạch tổng thể Thành phố hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

4. Cơ chế, chính sách về đầu tư tại Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng sang mục đích khác thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng để xây dựng công trình công cộng thiết yếu;

b) Đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dưới tán rừng, nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư.

Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định danh mục dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dưới tán rừng tại Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố quy định về cơ chế chứng nhận quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư quy định tại điểm này.

5. Cơ sở nhà, đất thuộc diện bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được sử dụng phục vụ cho phát triển hạ tầng, nhà ở xã hội, công trình công cộng và tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

Điều 36. Thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, chính sách đãi ngộ khác đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng; chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc là người nước ngoài; Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng; các chức danh hỗ trợ tư pháp; người có năng khiếu, tài năng đặc biệt, xuất sắc; cá nhân khác có chuyên môn, trình độ cao trong các lĩnh vực làm việc tại cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ

chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi Thành phố quản lý, phù hợp với nhu cầu về nguồn nhân lực cho Đô thị đặc biệt.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao trọng điểm trên địa bàn Thành phố;

b) Cơ chế, chính sách về nhà ở, cư trú, điều kiện làm việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố;

c) Cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề trong nước, ngoài nước đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc, người lao động khác thuộc các ngành, lĩnh vực trọng điểm trên địa bàn Thành phố theo danh mục do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;

d) Đầu tư hiện đại hóa một số trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn khu vực, quốc tế phù hợp với định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên; thực hiện chính sách hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

3. Người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, người lao động có trình độ cao làm việc hợp pháp trên địa bàn, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được hỗ trợ cấp thị thực, thẻ tạm trú theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh phù hợp với nhu cầu, yêu cầu về thời gian làm việc.

Trường hợp người nước ngoài quy định tại khoản này có thành viên gia đình (bao gồm cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) đi cùng thì được hỗ trợ cấp thị thực, thẻ tạm trú theo quy định tại khoản này.

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí về xác định đối tượng; nhu cầu, yêu cầu về thời gian quy định tại khoản này.

Điều 37. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp

1. Các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm:

a) Dự án đầu tư mới vào lĩnh vực thể thao, thành lập trung tâm công nghiệp văn hóa, dự án thuộc các ngành công nghiệp văn hóa theo danh mục chi tiết do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

b) Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở

giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tại địa bàn khó khăn về kinh tế - xã hội; cơ sở đào tạo dành cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

c) Dự án đầu tư cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho người cao tuổi;

d) Dự án đầu tư, phát triển sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi; sử dụng phù hợp với người lao động là người cao tuổi, gắn với phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe;

đ) Dự án đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

e) Dự án hoạt động công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ của Thành phố;

g) Dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực môi trường, giảm phát thải các – bon, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý chất thải, nước thải;

h) Dự án đường sắt đô thị;

i) Dự án sản xuất công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; dự án hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng trong Danh mục các dự án thuộc Đề án được duyệt tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Luật này; dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo, LNG; dự án lưu trữ năng lượng; dự án lưới điện thông minh; dự án đầu tư phát triển chợ trên địa bàn Thành phố;

k) Doanh nghiệp sinh thái; dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành;

l) Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống; dự án nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án nghiên cứu, sản xuất cây giống nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; dự án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất nông nghiệp; dự án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển; dự án đầu tư cơ sở giết mổ động vật tập trung đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về vệ sinh thú y;

m) Dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này; dự án phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 37 của Luật này;

n) Dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trên địa bàn Thành phố theo hướng hiện đại, dùng chung, liên thông, kết nối; dự án đầu tư phát triển dịch vụ giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, dịch vụ pháp lý chất lượng cao, có năng lực hội nhập;

o) Dự án khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, ban hành phù hợp với chiến lược và tình hình phát triển của Đô thị đặc biệt.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, k, l, m, n khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại của dự án;

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Thu nhập từ thực hiện dự án được áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện quy định tại khoản này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào dự án quy định tại điểm d, e, g, l khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn từ ngân sách cấp Thành phố trong 07 năm đầu theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

c) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên

cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

Tiền ủng hộ, tài trợ của các cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại Thành phố.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng dự án bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng, trạm sạc điện phục vụ phương tiện giao thông được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất, tiền sử dụng không gian ngầm trong toàn bộ thời hạn thực hiện dự án bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng;

b) Hỗ trợ 100% tiền thuế nhập khẩu phải nộp đối với các thiết bị, dây chuyền phục vụ trực tiếp cho dự án xây dựng bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng sử dụng công nghệ cao;

c) Được phép sử dụng tối đa 25% tổng diện tích sàn xây dựng của dự án theo quy hoạch để đầu tư, khai thác dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động trông, giữ xe;

d) Hỗ trợ lãi suất vay vốn từ ngân sách cấp Thành phố theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

đ) Miễn tiền thuê đất và tiền thuê quyền khai thác tài sản công đối với diện tích đất do Nhà nước quản lý, đất đường bộ để đầu tư trạm sạc điện phục vụ phương tiện giao thông trong thời hạn 05 năm.

5. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố;

b) Miễn một số tiêu chí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu của Thành phố, bao gồm yêu cầu về doanh thu, nguồn lực tài chính, hợp đồng tương tự và các yêu cầu khác để phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Khi đánh giá, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn Thành phố được tính ưu đãi như đối với trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên theo quy định của pháp luật về đấu thầu; cách tính ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố;

b) Thu nhập từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố theo danh mục do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định là thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thành phố bao gồm công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo - tự động hóa, công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó với biến đổi khí hậu và các lĩnh vực khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

7. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo khả năng ngân sách của Thành phố;

b) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố theo ngành, nghề kinh doanh; theo mức đóng góp thuế, phí và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác; kết quả tạo việc làm; việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

8. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần, vốn góp và thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quy định cơ chế chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại

diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo danh mục do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định; nguồn vốn đầu tư bao gồm ngân sách địa phương và lợi nhuận sau thuế được để lại để tái đầu tư, phát triển doanh nghiệp; mức chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng dựa trên kết quả đánh giá chỉ số hiệu quả kinh doanh, năng suất lao động và bảo toàn vốn của doanh nghiệp.

Chương VII

LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG

Điều 38. Mục tiêu, nguyên tắc liên kết phát triển vùng

1. Đô thị đặc biệt là hạt nhân, đô thị trung tâm trong vùng đô thị đặc biệt, thực hiện liên kết phát triển vùng đô thị đặc biệt với các địa phương trong vùng kinh tế - xã hội có liên quan, phù hợp với vai trò là trung tâm, cực tăng trưởng của vùng.

2. Nhà nước ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy liên kết, phát triển giữa đô thị đặc biệt với các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt.

3. Việc liên kết phát triển vùng đô thị đặc biệt phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Đồng thuận, công khai, minh bạch;

b) Thực hiện phối hợp, liên kết phát triển thông qua chương trình, kế hoạch, dự án liên kết phát triển vùng đô thị đặc biệt;

c) Bảo đảm thống nhất trong tổ chức không gian phát triển, đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung và thực hiện liên kết giữa đô thị đặc biệt và các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt; phù hợp với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch tổng thể đô thị đặc biệt, quy hoạch thành phố, tỉnh.

4. Việc quy hoạch, đầu tư phát triển các dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt, dự án liên kết, phát triển với các địa phương trong vùng kinh tế - xã hội có liên quan phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Liên kết, thống nhất quy chuẩn, tiêu chuẩn về hạ tầng giao thông, hạ tầng chung của các địa phương;

b) Phối hợp khai thác tài nguyên khoáng sản; quản lý môi trường, nguồn nước; xử lý ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước; ứng phó với biến đổi khí hậu; kiểm soát bệnh tật;

c) Phát triển chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, logistics, khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo, y tế, lao động, văn hóa, du lịch.

Điều 39. Đầu tư, quản lý dự án liên kết phát triển vùng

1. Việc đề xuất, thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố, các địa phương có liên quan báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thuận về việc thực hiện dự án;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố cùng với các địa phương tham gia dự án thống nhất lựa chọn một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án.

2. Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bố trí để triển khai thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định sau đây:

a) Ngân sách trung ương ưu tiên bố trí vốn cho dự án;

b) Ưu tiên bố trí từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương để bảo đảm đầu tư các dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt trước các chương trình, nhiệm vụ, dự án khác;

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dự án được hỗ trợ từ ngân sách trung ương quy định tại Điều này theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các địa phương tham gia thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt có các quyền sau đây:

a) Được áp dụng quy định của Luật Đô thị đặc biệt và văn bản thi hành Luật Đô thị đặc biệt để lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương đó sau khi thống nhất với Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt được sử dụng ngân sách để đầu tư trực tiếp vào dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt trên địa bàn địa phương khác trong vùng Đô thị đặc biệt nhằm giải quyết các vấn đề về hạ tầng

giao thông, môi trường, cấp nước sạch, thoát nước và công trình khác để phục vụ lợi ích chung.

c) Dự án về lĩnh vực môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, dự án an toàn thực phẩm có tính chất vùng được hưởng ưu đãi, đầu tư theo khoản 3 Điều 37 của Luật này.

4. Quỹ Phát triển vùng Đô thị đặc biệt được thành lập và hoạt động như sau:

a) Quỹ Phát triển vùng đô thị đặc biệt là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Hội đồng nhân dân Thành phố thành lập trên cơ sở thống nhất với các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt;

b) Nguồn tài chính của Quỹ hình thành từ ngân sách Trung ương, ngân sách của địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt, các nguồn hỗ trợ, tài trợ và nguồn hợp pháp khác;

c) Quỹ được sử dụng để đầu tư các dự án liên kết phát triển vùng Đô thị đặc biệt, ưu tiên các dự án về giao thông, hạ tầng quan trọng, dự án xử lý ô nhiễm môi trường, khai thác khoáng sản; xử lý sự cố, thiên tai, kiểm soát bệnh tật có tính chất vùng;

d) Quy chế hoạt động của Quỹ do Ủy ban nhân dân Đô thị đặc biệt ban hành trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt.

5. Các địa phương có hoạt động liên kết phát triển vùng với Đô thị đặc biệt có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Đô thị đặc biệt trong xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án liên kết phát triển vùng;

b) Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn; bố trí kinh phí để quản lý, bảo trì, sửa chữa, vận hành đối với công trình hạ tầng trên phạm vi địa bàn tại địa phương mình;

c) Chia sẻ chi phí môi trường, bao gồm chi phí kiểm soát, giảm thiểu và khắc phục ô nhiễm môi trường có liên quan;

d) Cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ liên kết phát triển vùng và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh;

đ) Phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về liên kết phát triển vùng.

Điều 40. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đô thị đặc biệt

1. Việc phối hợp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng Đô thị đặc biệt, bao gồm quản lý và cải thiện chất lượng không khí; quản lý nguồn nước, nước thải theo lưu vực sông và hệ thống thoát nước; quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý.

Ủy ban nhân dân Thành phố giữ vai trò điều phối trong cơ chế phối hợp vùng Đô thị đặc biệt về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích, chia sẻ trách nhiệm và tuân thủ pháp luật.

2. Cơ chế phối hợp vùng Đô thị đặc biệt trong bảo vệ môi trường bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Chia sẻ, kết nối và sử dụng chung quy hoạch, đánh giá môi trường, dữ liệu môi trường;

b) Thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường liên vùng;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch môi trường vùng, phù hợp với từng thành phần môi trường;

d) Quản lý chất lượng nước, chất lượng môi trường không khí; quản lý chất thải rắn và nước thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu; kiểm soát ô nhiễm và ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường;

đ) Huy động, phân bổ và sử dụng chung nguồn lực cho các nhiệm vụ, đề án, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu liên vùng.

3. Trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng cơ chế điều phối, nội dung phối hợp, trách nhiệm của các bên liên quan và cơ chế giám sát việc thực hiện phối hợp vùng trong quản lý môi trường.

4. Trên cơ sở thống nhất về nội dung giữa các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt, Thành phố và các địa phương khác trong vùng Đô thị đặc biệt quy định biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt hơn so với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thực hiện như sau:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối tượng, mức lưu lượng xả nước thải, bụi, khí thải công nghiệp phải áp dụng biện pháp quan trắc tự động, liên tục; mức phí bảo vệ môi trường cao hơn áp dụng với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và lộ trình áp dụng.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương khác trong vùng Đô thị đặc biệt quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương VIII

GIÁM SÁT, KIỂM TRA VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Điều 41. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Quốc hội xem xét báo cáo về việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm:

a) Giám sát việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hoặc để bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, quyết định bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định của Luật này;

c) Xem xét báo cáo của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt.

3. Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù và việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền Thành phố theo quy định của Luật này; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề trong quá trình thi hành Luật.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Giám sát việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt tại địa phương;

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành Luật;

c) Tham gia hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển Đô thị, vùng Đô thị.

Điều 42. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt; bảo đảm việc phân quyền, phân cấp cho chính quyền Đô thị đặc biệt trong Luật này được thực hiện thống nhất, đúng pháp luật, hiệu quả;

b) Chỉ đạo theo dõi, đánh giá, kiểm soát rủi ro đối với việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của Đô thị đặc biệt.

2. Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc phối hợp liên ngành, xử lý các vấn đề liên vùng, liên ngành phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù của Đô thị đặc biệt;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hoặc để bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, đình chỉ việc thi hành toàn bộ hoặc một phần văn bản do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định của Luật này, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định của Luật này.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đối với các hoạt động trên địa bàn Thành phố theo quy định và phù hợp với các quy định phân quyền, phân cấp cho chính quyền Đô thị đặc biệt;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố, các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá các cơ chế, chính sách đặc thù;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền việc thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách đặc thù tại Đô thị đặc biệt;

d) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ văn bản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 43. Trách nhiệm của chính quyền, cơ quan, tổ chức của Thành phố

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Kịp thời tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật về Đô thị đặc biệt; bảo đảm nguồn lực thực hiện các cơ chế, chính sách quy định tại Luật này;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Đô thị đặc biệt thuộc phạm vi quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển và bảo vệ Đô thị đặc biệt;

c) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình về sử dụng quỹ đất, thực hiện dự án đầu tư, thủ tục hành chính và các nội dung khác theo quy định của pháp luật để Nhân dân được biết, tham gia ý kiến, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật này.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giám sát việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt;

b) Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và cho việc tổ chức các chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thành phố; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan trung ương, các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước;

b) Chủ động phối hợp và hỗ trợ các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển;

c) Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ đô thị đặc biệt;

d) Đề xuất việc áp dụng quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương, bao gồm cả văn bản quy định cơ chế, chính sách áp dụng cho các đối tượng, địa phương khác, ban hành sau ngày Luật Đô thị đặc biệt văn bản thi hành Luật Đô thị đặc biệt có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định tại Luật Đô thị đặc biệt, văn bản thi hành Luật Đô thị đặc biệt, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật này;

đ) Tổ chức đánh giá hiệu quả đối với văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo quy định tại Điều 8 của Luật này sau 01 năm thi hành; thực hiện sơ kết, tổng kết theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ về việc thi hành Luật Đô thị đặc biệt.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của Thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện Luật Đô thị đặc biệt.

5. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Báo cáo các bộ, cơ quan ngang bộ những vấn đề thuộc thẩm quyền của các bộ, cơ quan ngang bộ.

6. Trách nhiệm giải trình của chính quyền Thành phố:

a) Thực hiện giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát sinh vấn đề lớn, có tác động lan tỏa hoặc ảnh hưởng đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Nội dung giải trình bao gồm mục tiêu, phạm vi tác động và đánh giá rủi ro, hệ quả kinh tế - xã hội của việc áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù; kết quả thực hiện, hiệu quả sử dụng nguồn lực, tác động đối với phát triển Thành phố và lợi ích chung của quốc gia; giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hạn chế, bất cập, sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện các thẩm quyền, cơ chế, chính sách đặc thù;

b) Nội dung giải trình phải được công khai theo quy định của pháp luật, bảo đảm để Nhân dân Thành phố giám sát.

Điều 44. Xử lý vi phạm, loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý

1. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong quá trình triển khai thực hiện Luật này.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức, người tham gia khác trong xây dựng, ban hành Luật này và văn bản được ban hành theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật này được loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý trong trường hợp không vụ lợi, đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc khác vì lợi ích chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công vụ do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền giao mà gây ra thiệt hại nhưng được cơ quan có thẩm quyền kết luận không phải do vụ lợi và vì sự phát triển chung của đô thị đặc biệt, thì được loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý tùy theo tính chất mức độ.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành và xử lý chuyển tiếp

1. Hiệu lực thi hành

a) Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày thángnăm 2026.

b) Quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày Luật này được thông qua.

Kể từ ngày Luật này được thông qua, việc xây dựng, ban hành văn bản thi hành Luật Thủ đô được thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Xử lý chuyển tiếp

a) Các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế tài chính, cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đã được phê duyệt, đang triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành; trường hợp phù hợp với quy định tại Luật này thì được chuyển sang thực hiện theo cơ chế, thẩm quyền quy định của Luật này mà không phải phê duyệt lại.

b) Các cơ chế thí điểm, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát, mô hình quản trị mới đang được triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân

dân Thành phố được điều chỉnh nội dung, phạm vi, thời gian thí điểm để phù hợp với quy định tại Luật này mà không phải thực hiện lại trình tự phê duyệt.

c) Đối với các nội dung về tổ chức chính quyền, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, vị trí việc làm đã được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định mới theo thẩm quyền quy định tại Luật này.

d) Các nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được kế thừa toàn bộ và tiếp tục áp dụng khi Luật này có hiệu lực thi hành.

đ) Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

e) Đối với dự án, gói thầu do cơ quan có thẩm quyền của thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng theo các quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt. Trường hợp cần thiết áp dụng theo các quy định tại Luật này thì Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xem xét, quyết định.

g) Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với các dự án đã được thực hiện hoặc đang triển khai theo quy định của Nghị quyết số 98/2023/QH15 và Nghị quyết số 260/2025/QH15 thì tiếp tục thực hiện theo các quy định, văn bản triển khai các Nghị quyết đó.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn